ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 160 /QĐ-UBND	*Yên Bình, ngày 15 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sân vận động xã Phúc An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí xây dựng đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng Quy định việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng các công trình xây dựng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc giao kế hoạch thực hiện, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện tại Tờ trình số 410/TTr-BQL ngày 08/8/2022 và đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Thông báo số 234/TBTĐ-KTHT ngày 12/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sân vận động xã Phúc An với nội dung như sau:

1. Tên công trình: Sân vận động xã Phúc An.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Bình.

3. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập thiết kế xây dựng: Công ty TNHH tư vấn thiết kế giám sát Nam Sơn.

4. Chủ nhiệm lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: KS. Trần Văn Nhân.

5. Mục tiêu đầu tư:

Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng, góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

6. Địa điểm xây dựng: Xã Phúc An, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

7. Diện tích sử dụng đất: Theo thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt.

8. Loại, cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình: Cấp IV.

9. Quy mô công trình, giải pháp thiết kế:

9.1. Quy mô đầu tư: San tạo, mở rộng diện tích; xây dựng các hạng mục thiết yếu và các hạng mục phụ trợ.

9.2. Giải pháp thiết kế:

- Công trình thoát nước: Xây dựng mới hệ thống rãnh thoát nước quanh sân vận động với chiều dài L=230,31m. Khẩu độ thoát nước Lo=40cm; kết cấu thành và đáy rãnh bằng BTXM M200 dày 15cm. Tấm bản đậy rãnh bằng BTCT M250 có kích thước (100x70x8)cm.

- Bục sân khấu xây gạch M75 kích thước (3x11)m, nền đổ BTXM M250 dày 10cm. Khán đài xây gạch M75, được chia làm 05 hàng bậc ngồi.

- Đường biên quanh sân vận động đổ BTXM M250 với diện tích S=435,76 m^2. Đổ sân bê tông M250 với diện tích S=594,2m^2 và các hạng mục phụ trợ khác.

10. Tổng mức đầu tư: 750.000.000 đồng *(Bảy trăm năm mươi triệu đồng).* Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	607.099.690 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	15.249.240 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	52.080.550 đồng;
- Chi phí khác:	12.988.857 đồng;
- Chi phí dự phòng:	62.581.663 đồng;

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

11. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác.

12. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định hiện hành.

13. Thời gian thực hiện: Năm 2022-2023.

14. Tổ chức thực hiện

14.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình.

14.2. Các nội dung khác: Thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo đúng trình tự xây dựng cơ bản của Nhà nước và các quy định của tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cấp ủy và Chính quyền huyện, Thủ trưởng các cơ quan: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Kho bạc Nhà nước Yên Bình; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT.Huyện ủy;
- TT.HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Trường

PHỤ LỤC TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Công trình: Sân vận động xã Phúc An, huyện Yên Bình

(Kèm theo Quyết định số 160 /QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình)

ĐVT: Đồng

STT	Khoản mục chi phí	Diễn giải	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế
I	**Chi phí xây dựng (Gxd)**	**Gxd**	**551.908.809**	**55.190.881**	**607.099.690**
II	**Chi phí quản lý dự án**	Gxdtt*2,763%	**15.249.240**		**15.249.240**
III	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**	**(1+2+...+6)**	**47.960.473**	**4.120.077**	**52.080.550**
1	Chi phí khảo sát	Hợp đồng	14.138.889	1.131.111	15.270.000
2	Chi phí lập BCKT-KT	Hợp đồng	13.750.000	1.100.000	14.850.000
3	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công + dự toán	Hợp đồng	4.000.000	320.000	4.320.000
4	Chi phí lập HSMT, ĐGHSDT xây lắp	Gxdtt*0,346%	1.909.604	152.768	2.062.372
5	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gxdtt*2,566%*1,1	14.161.980	1.416.198	15.578.178
IV	**Chi phí khác**	**(1+2+…+6)**	**12.889.513**	**99.344**	**12.988.857**
1	Chi phí bảo hiểm công trình	Gxdtt*0,18%*1.1	993.436	99.344	1.092.780
2	Chi phí kiểm tra công trình trước khi bàn giao đưa vào sử dụng	Tạm tính	3.000.000		3.000.000
3	Phí môi trường, thuế tài nguyên	Dự toán chi tiết	2.400.000		2.400.000
4	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu	Mức tối thiểu	2.000.000		2.000.000
5	Phí thẩm định BCKTKT	Gttr x 15%	600.000		600.000
6	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	TMĐTSLT*0,57%	3.896.077		3.896.077
V	**Chi phí dự phòng**				**62.581.663**
	TỔNG CỘNG	**I+II+…+V**			**750.000.000**